TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2025/HS-ST
Ngày: 04-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp
2. Ông Lê Văn Do

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025 tại TrụTòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024 theo Quyếtịnh đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. B - Sinh ngày 01/01/1997 tại tỉnh Gia Lai; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Bana; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 1/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông G (đã chết) và bà B (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

Ngày 23/3/2018, bị Toà án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai tuyên án 06 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Bản án số 12/2018/HSST. Ngày 25/4/2018, được trả tự do. Ngày 17/9/2018, chấp hành xong các quyết định khác của Bản án (đã xoá án tích).

Vào ngày 03/3/2024, 10/4/2024 và ngày 28/5/2024, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ngày 14/8/2024 bị tạm giữ, đến ngày 17/8/2024 bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Phân trại tạm giam huyện Đ-Phòng PCông an tỉnh G; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. B1 - Sinh ngày 29/10/2006 tại tỉnh Gia Lai; Tên gọi khác: B2; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Bana; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông K và bà B3 (đã chết); Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 10/4/2024 và ngày 28/5/2024, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ngày 28/9/2024 bị tạm giữ, đến ngày 07/10/2024 bị khởi tố và áp dụng

biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Phân trại tạm giam huyện Đ-Phòng PCông an tỉnh G; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lap - Sinh ngày 10/10/2002 tại tỉnh Gia Lai; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Làng H, xã Đ, huyện C, tỉnh Gia Lai; Nơi ở hiện tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Bana; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông H và bà R; Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị M, sinh năm 1994, tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai và có 01 người con sinh năm 2024.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 08/3/2024, bị Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp thực hiện ngày 13/12/2023 bằng hình thức phạt tiền theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 25/QĐ-XPHC (chưa chấp hành xong).

Về nhân thân:

Ngày 03/5/2017, bị Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định số 02/2027/QĐ-TA. Chấp hành tại Trường G1 thành phố Đà Nẵng đến ngày 10/12/2018 thì chấp hành xong (Đã xoá tiền sự);

Ngày 03/3/2024 và 09/3/2024, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ngày 09/3/2024 bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, đến ngày 19/3/2024 bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Phân trại tạm giam huyện Đ-Phòng PCông an tỉnh G; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. K - Sinh ngày 01/01/1981 tại tỉnh Gia Lai; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Bana; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông K1 và bà P; Bị cáo có vợ tên là J và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 09/3/2024, thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ngày 29/5/2024 bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cu trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Khắc P1 - Sinh năm 22/10/1991 tại tỉnh Gia Lai; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Tổ A, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nơi tạm trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Buôn bán điện thoại; Con ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị B4; Bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị Thu H2, bị cáo chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 09/3/2024, thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ngày 29/5/2024, bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo L:* ông Lương Ngọc P2-Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp Nhà nước tỉnh G và bà Trang Thị Thùy D, Trợ giúp viên

pháp lý của Trung tâm trợ giúp Nhà nước tỉnh G. Bà D có mặt, ông P2 vắng mặt *(có đơn xin xét xử vắng mặt).*

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Khắc P1:* Bà Nguyễn Thị Thu H3-Luật sư thuộc Công ty L5; địa chỉ: số B M, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Phạm H4, sinh năm: 1977; Trú tại: Thôn C, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bà Phạm Thị T, sinh năm: 2000; Trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Ông Trần Văn T1, sinh năm: 1963; Trú tại: Thôn D, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

4. Bà Lê Thị D1, sinh năm: 1975; Trú tại: Tổ B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông L1, sinh năm 1999; Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Ông L2, sinh năm 2003; Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Ông Phạm L3, sinh năm: 1998; Trú tại: Thôn C, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

4. Bà J, sinh năm 1987; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người phiên dịch:* Anh Đinh Quốc V; Trú tại: Làng R, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 03/3/2024 đến ngày 28/5/2024, B5, B1 và L đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 13 giờ ngày 03/3/2024, trong lúc đang cùng nhau uống rượu ở nhà của B5 thuộc thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, L rủ B5 đi trộm cắp trộm cắp tài sản thì B5 đồng ý. L điều khiển xe mô tô mang biển số 81T1 – 0276, còn B5 điều khiển xe nhãn hiệu Dream (không rõ biển số) cùng đi đến xã H, huyện Đ để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến Thôn C, xã H, huyện Đ phát hiện nhà rẫy của ông Phạm H4 đang khoá cửa và không có người trông coi nên L nói B5 cất giấu xe mô tô rồi cả hai đi bộ đến nhà rẫy. Lap tìm thấy một con dao dài 40cm bằng kim loại ở gần đó rồi dùng dao cạy phá khóa cửa. Sau khi phá được khoá cửa, đi trong nhà thì thấy có nhiều bao màu đỏ đựng tiêu khô nên L và B5 vác mỗi người 01 bao tiêu khô ra vị trí giấu xe rồi quay lại nhà rẫy tiếp tục trộm cắp tài sản. Khi quay lại nhà rẫy, L lấy trộm 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A37 và 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo Y55 rồi đưa cho B5 cất giữ, L lục túi quần treo trên tường lấy được số tiền 600.000 đồng, B5 lấy trộm 01 áo khoác đang treo trên dây mặc vào người, rồi cả hai vác thêm mỗi người 01 bao tiêu khô nữa ra vị trí để xe. Sau đó mỗi người chở 02 bao tiêu khô đi đến bán cho bà Vương Thị B6 (sinh năm

1983, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) lấy số tiền 3.800.000 đồng, rồi chia đều cho mỗi người 1.900.000 đồng. Vài ngày sau, B5 đã đưa 02 điện thoại cho anh Nguyễn Văn N (sinh năm 1989, chủ quán Bida Ngọc P3 thuộc thôn T, xã Đ, huyện Đ) để cấn trừ tiền nợ khi đánh bida tại quán của anh N, sau đó anh N đã bán 02 điện thoại cho một người khách chơi bida tại quán (không rõ lai lịch) với giá 1.200.000 đồng. Số tiền có được từ việc trộm cắp và bán tài sản trộm cắp được L và B5 đã tiêu xài cá nhân hết. Qua định giá xác định: 04 bao tiêu khô trị giá 14.720.000 đồng, 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo Y55 trị giá 700.000 đồng, 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A37 trị giá 900.000 đồng, 01 áo khoác trị giá 100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 17.020.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 12 giờ 00 ngày 09/03/2024, L sử dụng xe mô tô mang biển số 76Z1-1608 đi từ thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai đến tiệm cắt tóc của chị Phạm Thị T thuộc Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để nhuộm tóc. Trong thời gian chờ thuốc nhuộm lên màu thì chị T đi ra sau tiệm để gội đầu cho một khách hàng khác. Lúc này, L thấy chị T để điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh trên xe đẩy thuốc nhuộm nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L dùng tay lấy điện thoại di động trên và bỏ vào túi quần rồi ra về. Khi chị T hỏi thì L trả lời là *"về lấy tiền"*. Sau khi trộm cắp điện thoại, L đi đến nhà K2 (chú của vợ L) và cùng uống rượu với K2. Trong quá trình ngồi uống rượu, L lấy điện thoại di động vừa trộm cắp được ra cho K2 xem và nói không mở được mật khẩu, đồng thời nhờ K2 đưa đến cửa hàng điện thoại để mở khóa. Khập nhìn thấy hình nền của điện thoại là ảnh của chị Phạm Thị T (Khập có quen biết chị T do đã nhiều lần đến cắt tóc) và nghe L nói không biết mật khẩu điện thoại, nên K2 biết điện thoại này là điện thoại Lap lấy trộm của chị Phạm Thị T nhưng vẫn đồng ý đưa L đến cửa hàng điện thoại. Sau đó K2 điều khiển xe mô tô mang biển số 81F4-8511 chở L đi đến Cửa hàng điện thoại di động "Phi Nguyễn" thuộc Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Tại đây, K2 và L gặp Nguyễn Khắc P1, chủ cửa hàng và nói đó là điện thoại của L cần mở mật khẩu. Khi xem xét điện thoại, Nguyễn Khắc P1 thấy màn hình điện thoại là ảnh một người khác, điện thoại bị vô hiệu hóa do nhiều lần mở khóa không thành công, khi hỏi thì L không biết mật khẩu, không biết về tài khoản Icloud (dịch vụ lưu trữ đám mây của điện thoại nhãn hiệu Iphone) nên P1 biết đây không phải điện thoại của L mà do L phạm tội mà có và không đồng ý nhận mở khóa điện thoại. Lúc này, L đề nghị cầm cố diện thoại nhưng khi P1 báo giá là 500.000đ thì L không đồng ý rồi cùng K2 rời khỏi Cửa hàng đi đến chợ xã Đ. Khi K2 đang trả tiền cho người bán hàng (tiền Khập nợ trước đó) thì L sử dụng xe mô tô của K2 quay lại Cửa hàng "Phi Nguyễn" để bán chiếc điện thoại di động trên. Khập trả tiền xong thì không thấy L và xe mô tô đâu nên K2 đi bộ quay lại Cửa hàng điện thoại *"Phi N1"*. Khi đến nơi, K2 thấy hai bên đã đồng ý thực hiện giao dịch mua bán, L đưa điện thoại cho P1 và P1 đưa cho cho L số tiền 700.000 đồng. Khập thấy L bán điện thoại bán với giá rẻ nên đề nghị với P1 sẽ quay lại mua với giá 800.000 đồng vào ngày hôm sau thì P1 đồng ý và bắt tay với K2. Sau khi bán xong điện thoại, L và K2 sử dụng 70.000 đồng trong số tiền bán điện thoại để mua cá về tiếp tục uống rượu. Chị Phạm Thị T, sau khi phát hiện bị mất điện thoại di động đã kiểm tra camera an ninh tại tiệm cắt tóc và xác định L chính là đối tượng lấy trộm nên đã trình báo sự việc trên đến Công an xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Qua quá trình làm việc với

lực lượng Công an, L đã thừa nhận việc thực hiện hành vi phạm tội như trên và bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Qua định giá xác định điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 bị chiếm đoạt trị giá 7.000.000 đồng.

Đối với Nguyễn Khắc P1, ban đầu P1 thừa nhận hành vi phạm tội như trên, tuy nhiên, trong quá trình điều tra P1 thay đổi lời khai thành nội dung: Nguyễn Khắc P1 không đồng ý mua điện thoại của L, sau nhiều lần từ chối, K2 đề nghị mượn tiền của P1 để mua điện thoại của L nên P1 cho K2 mượn số tiền 700.000 đồng để mua điện thoại của L, P1 giữ điện thoại của L làm tin, ngày hôm sau K2 sẽ đem tiền đến trả cho P1 800.000 đồng rồi lấy điện thoại về, P1 không biết chiếc điện thoại L đem đến bán là tài sản do phạm tội mà có.

Lần thứ ba: Vào khoảng 14 giờ 00, ngày 10/4/2024, B5 đang ở nhà tại thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, thì B1 đi bộ đến nhà B5, rủ đi trộm cắp tài sản và B5 đồng ý. Sau đó, B5 cùng B1 đi bộ về hướng xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để trộm cắp tài sản. Khi đi bộ đến thôn D, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (khu vực giáp xã Đ) thì B5 và B1 thấy nhà của ông Trần Văn T1 (sinh năm 1963) đang khoá cửa và không có người trông coi. Cả hai đi ra phía sau nhà và thấy một cửa sổ có khung sắt bên trong, B1 nhặt một cục đá ở sân và đập vào khung sắt cửa sổ còn B5 đứng cảnh giới. Sau khi đập khung sắt cửa sổ bung ra thì B1 chui vào nhà trước, B5 chui vào theo sau. Cả hai lục tìm tài sản trong các phòng, cạy mở tủ thờ trong phòng khách (bằng cây kim loại B1 nhặt được trong vườn cà phê) thì B1 lấy được số tiền 3.068.000 đồng, 01 điện thoại nhãn hiệu Huawei Nova 2i và 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi 7A còn B5 lấy được 01 điện thoại nhãn hiệu Mobell. Tiếp đến, cả hai đi ra ngoài bằng đường cửa sổ rồi tiếp tục phá khóa cửa ra vào nhà bếp (bằng cây kim loại đã dùng để cạy tủ trước đó). Khi mở được cửa nhà bếp, thì thấy nhiều bao tiêu khô nên B5 và B1 vác 02 bao đi ra khỏi nhà ông T1 rồi cất giấu trong bụi cây cách đó khoảng 03km. Sau đó, B5 và B1 đi bộ về nhà B5, lấy mô tô mang biển số 81F9 - 3116 quay lại nơi cất giấu tiêu rồi chở 02 bao tiêu đến nhà bà Vương Thị B6 (sinh năm 1983, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ) bán được số tiền 1.800.000đ rồi chia đều cho mỗi người 900.000đ, đồng thời B1 đưa cho B5 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi 7A. Trong quá trình sử dụng Bun đã làm mất 02 điện thoại di động trộm cắp được còn B1 bán 01 điện thoại cho một người khác (không rõ lai lịch) với giá 10.000 đồng. Toàn bộ số tiền có được từ việc trộm cắp, B5 và B1 đã tiêu xài cá nhân hết. Qua định giá xác định: 02 bao tiêu khô trị giá 11.000.000 đồng, 01 điện thoại nhãn hiệu Huawei Nova 2i trị giá 2.000.000 đồng, 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi 7A trị giá 1.000.000 đồng, 01 điện thoại nhãn hiệu mobell trị giá 100.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản bị trộm chiếm đoạt là 17.168.000 đồng.

Lần thứ tư: Vào khoảng 11 giờ 00, ngày 28/5/2024, B5 đang ở nhà tại thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai thì B1 đi bộ đến nhà B5, rủ đi trộm cắp tài sản và B5 đồng ý. Lúc này B5 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 81F9 - 3116 chở B1 đi về hướng thôn K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Khi đi đến đầu thôn thì B5 và B1 dừng xe và để trong 01 rẫy cà phê rồi tiếp tục đi bộ. Khi đến nhà của bà Lê Thị D1 (sinh năm 1975) thấy cổng khóa và không có người trông coi nên B5 và B1 trèo qua hàng rào lưới B40 để vào sân nhà. B1 đi ra phía sau nhà và nhặt 01 cục đá, đập bản lề mở cửa rồi cả

hai đi vào nhà. Khi vào bên trong, B1 dùng 01 cây sắt dài khoảng 50cm (B1 nhặt ở vườn cà phê) đập thủng cánh cửa kho bằng gỗ rồi lấy tay mở chốt cửa đi vào và thấy nhiều bao tiêu khô. B5 và B1 cùng nhau vác 06 bao tiêu khô đi ra khỏi nhà và để ở rẫy cà phê đối diện nhà bà D1 rồi cả hai tiếp tục vác 06 bao tiêu khô trên đến chỗ để xe mô tô. Sau đó, B5 điều khiển xe mô tô chở B1 cùng tiêu đến nhà bà Vương Thị B6 (sinh năm 1983, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ) để bán và lấy được số tiền 3.900.000đ, chia đều cho mỗi người 1.950.000đ, cả hai đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Qua định giá xác định 06 bao tiêu khô bị trộm cắp trị giá 33.600.000 đồng.

** Về vật chứng:*

- Đối với 02 điện thoại di động bị trộm cắp vào ngày 03/3/2024, quá trình điều tra xác định 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y55 là tài sản của anh L4 (Sinh năm 1999, trú tại thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A37 là tài sản của anh L2 (Sinh năm 2003, trú tại thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) đều là người làm thuê cho ông Phạm H4, sau khi trộm cắp Bun đưa cho anh Nguyễn Văn N (sinh năm 1989, trú tại thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) để cấn trừ tiền nợ nhưng anh N đã bán cho người khác không rõ lai lịch nên không thu hồi được.

- Đối với 01 áo khoác và số tiền 600.000 đồng bị trộm cắp vào ngày 03/3/2024, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của anh Phạm L3 (Sinh năm 1998, trú tại Thôn C, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, con trai ông Phạm H4), sau khi trộm cắp B5 sử dụng áo khoác nhưng đã làm mất còn L đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- Đối với điện thoại di động hiệu Apple Iphone 11 bị trộm cắp ngày 09/3/2024, thu giữ tại Cửa hàng *"Phi Nguyễn"*, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của chị Phạm Thị T nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T.

- Đối với số tiền 630.000 đồng thu giữ của L6 vào ngày 09/3/2024, quá trình điều tra xác định đây là tiền do bán tài sản trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra đã tiếp tục thu giữ và chuyển theo vụ án để xử lý trong giai đoạn xét xử.

- Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Huawei Nova 2i, 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi 7A, 01 điện thoại nhãn hiệu Mobell và số tiền 3.068.000 đồng bị trộm cắp vào ngày 10/4/2024, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của ông Trần Văn T1, B5 đã làm mất điện thoại trong quá trình sử dụng còn B1 đã bán điện thoại cho người khác không rõ lai lịch và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- Đối với 04 bao tiêu khô bị trộm cắp vào ngày 03/3/2024, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của ông Phạm H4, 02 bao tiêu khô bị trộm cắp vào ngày 10/4/2024 quá trình điều tra xác định đây là tài sản của ông Trần Văn T1, 06 bao tiêu khô bị trộm cắp vào ngày 28/5/2024 quá trình điều tra xác định đây là tài sản của bà Lê Thị D1, sau khi trộm cắp các bị cáo đã bán cho bà Vương Thị B6 nhưng bà B6 đã bán cho người khác không rõ lai lịch nên không thu hồi được.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 81T1-0276 Lap đã sử dụng làm phương tiện để trộm cắp tài sản vào ngày 03/3/2024, quá trình điều tra xác định đây tài sản của ông H (Sinh năm 1978, trú tại thôn H, xã Đ, huyện C, tỉnh Gia Lai, cha của L), ông H đã cho L mượn,

tuy nhiên ông H không biết L sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

- Đối với 01 xe mô tô không rõ biển số là phương tiện B5 sử dụng để trộm cắp tài sản vào ngày 03/3/2024, quá trình điều tra Bun khai báo là xe mô tô do B5 mượn của một người thanh niên không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra không có căn cứ thu giữ.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 76Z1 – 1608 Lap đã sử dụng làm phương tiện di chuyển sau khi trộm cắp tài sản vào ngày 09/3/2024, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của ông Hồ Sỹ Đ (Sinh năm 1967, trú tại Thôn E, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai), ông Đ đã cho L mượn, tuy nhiên ông Đ không biết L sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

- Đối với xe mô tô biển số 81F4-8511, K2 đã sử dụng làm phương tiện để đi bán tài sản trộm cắp vào ngày 09/3/2024, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của chung Khập và vợ nên Cơ quan điều tra đã thu giữ và chuyển theo vụ án để xử lý trong giai đoạn xét xử.

- Đối với xe mô tô biển số 81F9-3116 Bun sử dụng để đi trộm cắp tài sản vào các ngày 10/4/2024 và ngày 28/5/2024, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của anh Phạm Văn Đ1 (Sinh năm 2001, trú tại thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai), anh Đ1 đã cho B5 mượn, tuy nhiên anh Đ1 không biết B5 sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

- Đối với 01 con dao bằng kim loại Lap nhặt được và sử dụng cạy phá cửa sau nhà ông Phạm H4 để đột nhập trộm cắp tài sản, bị thu giữ trong khi khám nghiệm hiện trường, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của ông Phạm H4 nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông H4.

- Đối với 01 cục đá và 01 cây kim loại B1 nhặt được để sử dụng cạy phá, đột nhập vào nhà ông Trần Văn T1, 01 cục đá và 01 cây kim loại B1 nhặt được để sử dụng cạy phá, đột nhập vào nhà bà Lê Thị D1, đây là những công cụ phạm tội, quá trình điều tra xác định sau khi thực hiện hành vi các bị cáo đã bỏ lại tại hiện trường nhưng không xác định được vị trí nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

** Về dân sự:*

- Chị Phạm Thị T đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bồi thường.

- Ông Phạm H4 yêu cầu bồi thường số tiền 14.720.000 đồng; anh L4 yêu cầu bồi thường số tiền 700.000 đồng, anh L2 yêu cầu bồi thường số tiền 900.000 đồng, anh Phạm L3 yêu cầu bồi thường số tiền 700.000 đồng.

- Ông Trần Văn T1 yêu cầu bồi thường số tiền 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông Trần Văn T1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 17.168.000 đồng theo như Kết luận định giá tài sản.

- Bà Lê Thị D1 yêu cầu bồi thường số tiền 33.600.000 đồng.

Hiện B5, B1 và L chưa bồi thường.

Tại bản Cáosố 02/CT-VKS ngày 04-12-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo B5 và B1 về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo L về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; các bị cáo K2 và Nguyễn Khắc P1

về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt chính:

- Đối với bị cáo B5:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

- Đối với bị cáo B1:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- Đối với bị cáo L:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 15 tháng tù.

- Đối với bị cáo K2:

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng;

- Đối với bị cáo Nguyễn Khắc P1:

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng;

Về hình phạt bổ sung: Không

Biện pháp tư pháp: Không.

Về dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình; Điều 584; Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân, đề nghị tuyên:

-Buộc bị cáo L và B5 phải bồi thường cho ông Phạm H4 số tiền 14.720.000 đồng.

-Buộc bị cáo L và B5 phải bồi thường cho anh L4 số tiền 700.000 đồng.

-Buộc bị cáo L và B5 phải bồi thường cho anh L2 số tiền 900.000 đồng.

-Buộc bị cáo L và B5 phải bồi thường cho anh Phạm Lâm S tiền 700.000 đồng.

-Buộc bị cáo B5 và B1 phải bồi thường cho ông Trần Văn T1 số tiền 17.168.000 đồng.

-Buộc bị cáo B5 và B1 phải bồi thường cho bà Lê Thị D1 số tiền 33.600.000 đồng.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

-Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 630.000 đồng mà bị cáo L thu lợi bất chính.

-Trả lại xe mô tô biển số 81F4-8511 cho bị cáo K2.

Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Đề nghị tuyên buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Các bị cáo đều nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tốhình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơtiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở xác định:

Ngày 03/3/2024, tại Thôn C, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, L cùng B5 trộm cắp ở nhà rẫy của ông Phạm H4 các tài sản có tổng trị giá 17.020.000đ.

Ngày 09/3/2024, tại Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, Lap trộm cắp của chị Phạm Thị T tài sản trị giá 7.000.000đ. Sau đó K2 giúp L đi bán tài sản trộm cắp cho Nguyễn Khắc P1.

Ngày 10/4/2024, tại thôn D, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, B5 cùng B1 trộm cắp ở nhà rẫy của ông Trần Văn T1 các tài sản có tổng trị giá 17.168.000đ.

Ngày 28/5/2024, tại thôn K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, B5 cùng B1 trộm cắp ở nhà rẫy của bà Lê Thị D1 các tài sản có tổng trị giá 33.600.000 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác do B5, B1 và L thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Bị cáo B5 đã đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó cả 03 lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 67.788.000đ. Bị cáo B1 đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó 02 lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 50.768.000đ. Bị cáo L đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó 02 lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 24.020.000đ. Vì vậy, hành vi của bị cáo B5 và B1 đã phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo L đã phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Ngày 09/3/2024, K2 và Nguyễn Khắc P1 mặc dù không hứa hẹn trước và biết rõ điện thoại di động Lap đang quản lý là do phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý, giúp sức cho L bán điện thoại. Hành vi của K2 và Nguyễn Khắc P1 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn công cộng, gây khó khăn cho việc phát hiện, xử lý tội phạm và tạo điều kiện giúp sức cho hành vi phạm tội. Vì vậy hành vi của bị cáo K2 và Nguyễn Khắc

P1 đã phạm vào tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Do vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa đã truy tố các bị cáo về các tội danh và điều luật như đã viện dẫn trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Các bị cáo phải bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do các bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các các bị cáo thấy rằng:

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo, trong đó L khởi xướng, rủ rê Bun trộm cắp tài sản 01 vụ, tự mình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản, sau đó K2 và Nguyễn Khắc P1 thực hiện hành vi tiêu thụ; còn lại 02 vụ trộm cắp tài sản do B1 khởi xướng, rủ rê B cùng thực hiện.

Đối với các bị cáo B5, B1 và L, trong quá trình điều tra, truy tố, đã thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều phạm tội 02 lần trở lên. Vì vậy, cả ba bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo B1 phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ đặc biệt quy định tại Chương XII Bộ luật Hình sự.

Bị cáo K2 và Nguyễn Khắc P1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố đã thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo P1 gia đình có công với cách mạng, bị cáo có giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo K2 là dân tộc thiểu số, hiểu biết về pháp luật hạn chế. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo và giảm nhẹ một phần hình phạt, tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng.

Xét, bị cáo K2 và Nguyễn Khắc P1 có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, trước khi phạm tội luôn chấp hành tốt quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm. Các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng chế định án treo và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4.] Về dân sự:

- Chị Phạm Thị T đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bồi thường.

- Ông Phạm H4 yêu cầu bồi thường số tiền 14.720.000 đồng; anh L4 yêu cầu bồi thường số tiền 700.000 đồng, anh L2 yêu cầu bồi thường số tiền 900.000 đồng, anh Phạm L3 yêu cầu bồi thường số tiền 700.000 đồng.

- Ông Trần Văn T1 yêu cầu bồi thường số tiền 17.168.000 đồng.

- Bà Lê Thị D1 yêu cầu bồi thường số tiền 33.600.000 đồng.

Xét yêu cầu của bị hại, người có quyền lợi liên quan là chính đáng và tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về vật chứng:

Đối với số tiền 630.000 đồng thu giữ của L6 vào ngày 09/3/2024, quá trình điều tra xác định đây là tiền do bán tài sản trộm cắp mà có, như vậy đây là số tiền thu lợi bất chính nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với xe mô tô biển số 81F4-8511, K2 đã sử dụng làm phương tiện để đi bán tài sản trộm cắp vào ngày 09/3/2024, quá trình điều tra xác định đây là tài sản chung của K2 và vợ, việc K2 sử dụng xe chở L đi bán điện thoại (tài sản trộm cắp) thì bà J (vợ bị cáo K2) không biết nên trả lại xe mô tô nói trên cho bị cáo K2.

[6]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về các vấn đề khác:

Đối với ông H, ông Hồ Sỹ Đ, anh Phạm Văn Đ1 là những người đã cho các bị cáo mượn xe mô tô, nhưng những người trên đều không biết các bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên không có căn cứ xử lý hình sự.

Đối với bà Vương Thị B6, anh Nguyễn Văn N là những người đã mua lại tài sản trộm cắp từ các bị cáo, nhưng những người trên đều không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo B5, B1 và L phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*; các bị cáo K2 và Nguyễn Khắc P1 phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo **B5 02 (hai) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày 14/8/2024.

2.2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 58; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo **B1 12 (mười hai) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2024.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo **L 13 (mười ba) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 09/3/2024.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự,

-Xử phạt bị cáo **Nguyễn Khắc P1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/3/2025).

Giao bị cáo Nguyễn Khắc P1 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật thi hànhán hình sự.

-Xử phạt bị cáo **K2 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/3/2025).

Giao bị cáo K2 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật thi hànhhình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự, tuyên:

-Buộc bị cáo L và B5 phải bồi thường cho ông Phạm H4 số tiền 14.720.000 đồng; mỗi bị cáo phải bồi thường 7.360.000 đồng.

-Buộc bị cáo L và B5 phải bồi thường cho anh L4 số tiền 700.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường 350.000 đồng.

-Buộc bị cáo L và B5 phải bồi thường cho anh L2 số tiền 900.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường 450.000 đồng.

-Buộc bị cáo L và B5 phải bồi thường cho anh Phạm Lâm S tiền 700.000 đồng. mỗi bị cáo phải bồi thường 350.000 đồng.

-Buộc bị cáo B5 và B1 phải bồi thường cho ông Trần Văn T1 số tiền 17.168.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường 8.584.000 đồng.

-Buộc bị cáo B5 và B1 phải bồi thường cho bà Lê Thị D1 số tiền 33.600.000 đồng. mỗi bị cáo phải bồi thường 16.800.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân*sự.*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi*hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 Luật* thi*án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật* thi*án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

-Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 630.000 đồng mà bị cáo L thu lợi bất chính *(theo Ủy nhiệm chi ngày 28/02/2025 của Công an huyện Đ chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đak Đoa, Tài khoản: 3949.0.1048144.00000 tại Kho bạc Nhà nước Đ2).*

-Trả lại xe mô tô biển số 81F4- 8511 cho bị cáo K2.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28-02-2025 giữa Công an huyện Đ và C ục thi"cục thi hành án dân sự huyện Đak Đoa).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thườngQuốc Hội;

Buộc các bị cáo B5, B1, L, K2 và Nguyễn Khắc P1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo L phải chịu 425.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo B5 phải chịu 1.694.700 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo B1 phải chịu 1.269.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Phân trại tạm giam huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Rmah HThuyên